

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **79**/2026/VBHN-TT-BCT

Hà Nội, ngày **14** tháng **9** năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương

Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 49/2026/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngành Công Thương, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.¹

¹ Thông tư số 49/2026/TT-BCT có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP và Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP;



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) thuộc các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương có quy mô, công suất quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

4. Các doanh nghiệp không thuộc khoản 1 Điều này được khuyến khích thực hiện khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương* (sau đây gọi tắt là cơ sở dữ liệu môi trường) là tập hợp các dữ liệu về môi trường thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương do Bộ Công Thương xây dựng, quản lý và được vận hành trên trang thông tin điện tử <http://moitruongcongthuong.vn>.

2. *Khai báo cơ sở dữ liệu môi trường* là quá trình cung cấp, cập nhật và số hóa dữ liệu môi trường vào hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này được cấp quyền truy cập cơ sở dữ liệu môi trường để thực hiện khai báo, quản lý và sử dụng.

3. *Quản lý cơ sở dữ liệu môi trường* là hoạt động nhằm đảm bảo sự vận hành an toàn và ổn định của cơ sở dữ liệu môi trường trên trang thông tin điện tử và các hoạt động khác giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện quy định của Thông tư này.

4. *Sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường* là việc khai thác các dữ liệu môi trường trong cơ sở dữ liệu môi trường của các tổ chức, cá nhân nhằm phục vụ công tác quản lý, báo cáo về bảo vệ môi trường.

Chương II

KHAI BÁO, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG

Điều 4. Đăng ký tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường

1. Đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản² truy cập

a) Doanh nghiệp tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản³ truy cập cơ sở dữ liệu môi trường như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp là thành viên của Tập đoàn, Tổng công ty ngành Công Thương (sau đây gọi tắt là Tập đoàn, Tổng công ty): Doanh nghiệp đề nghị Tập đoàn, Tổng công ty tổng hợp danh sách cấp/chấm dứt tài khoản⁴.

- Trường hợp doanh nghiệp không phải thành viên của Tập đoàn, Tổng công ty: Doanh nghiệp đề nghị Sở Công Thương các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Sở Công Thương) nơi đăng ký trụ sở chính tổng hợp danh sách cấp/chấm dứt tài khoản⁵ truy cập.

b) Tập đoàn, Tổng công ty rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thành viên gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản⁶ truy cập cho các đối tượng này.

c) Sở Công Thương rà soát, hướng dẫn và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý (trừ các doanh nghiệp thuộc điểm b khoản 1 Điều này) gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản⁷ truy cập cho các đối tượng này.

d) Mẫu đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản⁸ truy cập tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2.⁹ Cấp/chấm dứt tài khoản truy cập

Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp tạo lập tài khoản/chấm dứt tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu trong thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị được quy định tại điểm b, c

² Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

³ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

⁴ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

⁵ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

⁶ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

⁷ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

⁸ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

khoản 1 Điều này; đồng thời thông báo kết quả cấp/chấm dứt tài khoản truy cập cho đơn vị đề nghị.

3. Các Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều này nếu có các thay đổi sau: Thay đổi số lượng tài khoản doanh nghiệp quản lý; Chấm dứt tài khoản truy cập do doanh nghiệp ngừng hoạt động hoặc giảm quy mô, công suất đến mức không thuộc Phụ lục I; Đăng ký bổ sung tài khoản do phát sinh thêm số lượng doanh nghiệp truy cập cơ sở dữ liệu môi trường.

4. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này có nhu cầu sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường gửi đề nghị đến Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để xem xét cấp tài khoản truy cập.

5.¹⁰ Đối với các doanh nghiệp đã được cấp tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu, mà có các thay đổi liên quan đến thông tin doanh nghiệp nhưng vẫn thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 2 của Thông tư thì tiếp tục sử dụng tài khoản truy cập đã được cơ quan quản lý cấp trước đó. Doanh nghiệp có trách nhiệm cập nhật kịp thời các thông tin thay đổi trên hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường hoặc thông báo cho cơ quan quản lý theo quy định để bảo đảm tính chính xác, đầy đủ của dữ liệu.

Điều 5. Khai báo cơ sở dữ liệu môi trường

1. Sau khi được cấp tài khoản truy cập hệ thống, doanh nghiệp tiến hành đăng nhập vào trang thông tin điện tử <http://moitruongcongthuong.vn>, định kỳ hàng năm khai báo thông tin dữ liệu môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Việc khai báo cơ sở dữ liệu môi trường hàng năm được hoàn thành trước ngày 31 tháng 01 của năm tiếp theo.

Điều 6. Quản lý cơ sở dữ liệu môi trường

1. Nội dung quản lý cơ sở dữ liệu môi trường bao gồm:

a) Duy trì đường truyền internet, lưu trữ dữ liệu trên máy chủ, đảm bảo an toàn bảo mật thông tin, hoạt động ổn định hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường trên trang thông tin điện tử;

b) Cấp/chấm dứt tài khoản¹¹ truy cập và phân quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân;

c) Xây dựng, nâng cấp hệ thống, duy trì, vận hành, chia sẻ các dữ liệu trong cơ sở dữ liệu môi trường;

d) Đôn đốc, chỉ đạo việc khai báo cơ sở dữ liệu môi trường của các doanh nghiệp;

¹⁰ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

¹¹ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá những dữ liệu môi trường do doanh nghiệp khai báo;

e) Báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý cơ sở dữ liệu môi trường;

g) Các hoạt động quản lý khác có liên quan.

2. Kinh phí xây dựng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu môi trường:

Kinh phí xây dựng, nâng cấp hệ thống, duy trì, vận hành, chia sẻ các dữ liệu trong cơ sở dữ liệu môi trường được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 7. Sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường

Việc phân quyền sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường thực hiện như sau:

1. Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp được sử dụng toàn bộ các dữ liệu, thông tin trong hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường;

2. Sở Công Thương được sử dụng các dữ liệu, thông tin trong hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường do các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý khai báo;

3. Tập đoàn, Tổng công ty được sử dụng các dữ liệu, thông tin trong hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường do các doanh nghiệp thành viên khai báo;

4. Doanh nghiệp được sử dụng các dữ liệu, thông tin cơ sở dữ liệu môi trường do chính mình khai báo;

5. Các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này được sử dụng dữ liệu môi trường trong phạm vi do Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN¹²

Điều 8. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Đăng ký với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu để cấp mới, bổ sung, thay đổi và chấm dứt tài khoản khai báo cơ sở dữ liệu môi trường.

¹² Điều 11, Điều 12 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Công Thương để xem xét, giải quyết.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

Các nhiệm vụ bảo vệ môi trường và nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu đã được cơ quan quản lý phê duyệt thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Thông tư số 24/2023/TT-BCT của Bộ Công Thương.”

2. Định kỳ thực hiện khai báo cơ sở dữ liệu đầy đủ nội dung, đúng thời gian quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các dữ liệu do mình khai báo.

3. Bảo mật thông tin tài khoản đã được cấp, không để các đối tượng không có thẩm quyền truy cập trái phép vào cơ sở dữ liệu môi trường.

4. Việc hoàn thành trách nhiệm của doanh nghiệp quy định tại Thông tư này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét thi đua, khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường

Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu môi trường bao gồm: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số¹³; Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty.

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty

a) Tổng hợp danh sách đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản¹⁴ truy cập của các doanh nghiệp gửi về Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp để được cấp/chấm dứt tài khoản¹⁵ truy cập.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc đăng ký tài khoản, khai báo dữ liệu môi trường của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

c) Bảo mật thông tin tài khoản, dữ liệu khai báo môi trường của Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty và doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

2. Trách nhiệm của Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

a) Tạo lập tài khoản truy cập và phân quyền sử dụng cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và đôn đốc việc khai báo, quản lý và sử dụng của các Sở Công Thương, Tập đoàn, Tổng công ty, doanh nghiệp;

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu môi trường trong hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền;

d) Thực hiện các nội dung quản lý cơ sở dữ liệu môi trường quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

3.¹⁶ Trách nhiệm của Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số

Phối hợp với Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp trong việc hỗ trợ kỹ thuật, hạ tầng số, kết nối, vận hành và bảo đảm an toàn thông tin đối

¹³ Cụm từ “Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số” được thay thế bởi cụm từ “Cục Khoa học, Công nghệ và Chuyển đổi số” theo quy định tại khoản 2 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

¹⁴ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

¹⁵ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

¹⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

với hệ thống cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác

Các tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm sử dụng thông tin, dữ liệu môi trường trong phạm vi được phân quyền, bảo vệ thông tin, tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu môi trường được cấp.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2021 và thay thế Thông tư số 22/2013/TT-BCT ngày 14 tháng 10 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định việc khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương.

2. Bãi bỏ khoản 1 Điều 14 Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương để sửa đổi, bổ sung Thông tư cho phù hợp./.

PHỤ LỤC I
DANH MỤC ĐỐI TƯỢNG PHẢI KHAI BÁO
CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương)

TT	Ngành, lĩnh vực	Quy mô, công suất theo thiết kế/đăng ký đầu tư
1	Nhiệt điện	Tất cả
2	Thủy điện	Từ 20 MW trở lên
3	Khai thác dầu khí	Tất cả
4	Lọc, hóa dầu	Tất cả
5	Sản xuất hóa chất, chất tẩy rửa	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
6	Sản xuất phân hóa học	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
7	Sản xuất pin, ắc quy	Từ 300.000 KWh/năm trở lên hoặc 600 tấn sản phẩm/năm trở lên
8	Sản xuất bột giấy	Từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
9	Sản xuất giấy có sử dụng giấy phế liệu	Từ 50.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
10	Sản xuất bia, nước giải khát	Từ 30.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên
11	Sản xuất cồn, rượu	Từ 2.000.000 lít sản phẩm/năm trở lên
12	Dệt có nhuộm	Từ 100.000.000 m ² vải/năm trở lên
13	Thuộc da	Từ 10.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
14	Sản xuất sản phẩm từ cao su	Từ 100.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
15	Sản xuất gang, thép, luyện kim	Từ 300.000 tấn sản phẩm/năm trở lên
16	Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng)	Thuộc thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHỤ LỤC II

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP/CHẤM DỨT TÀI KHOẢN¹⁷ TRUY CẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương)

Mẫu 01: Văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản¹⁸ truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với doanh nghiệp

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản¹⁹
truy cập cơ sở dữ liệu môi trường
ngành Công Thương

Kính gửi: Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty)

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và xác định (1) thuộc danh mục đối tượng phải (hoặc đối tượng khuyến khích) khai báo cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương (Thông tin kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Sở Công Thương (hoặc Tập đoàn, Tổng công ty) tổng hợp danh sách gửi Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp/chấm dứt tài khoản²⁰ truy cập./.

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng
dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

¹⁷ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

¹⁸ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

¹⁹ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

²⁰ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
...	Công ty ...						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	Nhà máy ... (trường hợp Công ty có nhiều nhà máy trên các địa bàn khác nhau và không thể khai báo chung một tài khoản)						
	...						

Ghi chú: (1) tên doanh nghiệp; (2) người đại diện pháp luật của (1).

Mẫu 02: Văn bản đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản²¹ truy cập cơ sở dữ liệu môi trường áp dụng đối với Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp/chấm dứt tài khoản²² truy cập cơ sở dữ liệu môi trường ngành Công Thương

Kính gửi: Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp

Thực hiện Thông tư số /2020/TT-BCT ngày tháng năm 2020 của Bộ Công Thương quy định khai báo, quản lý và sử dụng cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương, (1) đã rà soát và tổng hợp danh sách các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý (Danh sách kèm theo công văn này).

Căn cứ Điều 4 Thông tư số /2020/TT-BCT, (1) đề nghị Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp/chấm dứt tài khoản²³ truy cập cho các doanh nghiệp nêu trên./.

(2)

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

²¹ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

²² Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

²³ Cụm từ “cấp tài khoản” được thay thế bởi cụm từ “cấp/chấm dứt tài khoản” theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 49/2026/TT-BCT, có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2026.

DANH SÁCH

CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA (1)

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngành, lĩnh vực thuộc Phụ lục I	Quy mô, công suất thuộc Phụ lục I	Số điện thoại liên hệ	Email sử dụng đăng ký tài khoản truy cập	Ghi chú (Phải khai báo hoặc khuyến khích)
	Sở Công Thương tỉnh/thành phố...						
...	Công ty ...						
...	Công ty..						
...	Công ty..						

Ghi chú: (1) tên Tập đoàn, Tổng công ty, Sở Công Thương; (2) người đại diện pháp luật của (1).

PHỤ LỤC III
DANH MỤC DỮ LIỆU, THÔNG TIN KHAI BÁO
CƠ SỞ DỮ LIỆU MÔI TRƯỜNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Kèm theo Thông tư số 42/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ Công Thương)

1. Thông tin chung doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp;
- Nhóm ngành nghề doanh nghiệp;
- Ngành nghề sản xuất;
- Địa chỉ;
- Người đại diện theo pháp luật; Email; Điện thoại;
- Người khai báo; Email; Điện thoại;
- Dữ liệu về thông tin sản xuất
 - + Sản lượng sản phẩm chính;
 - + Mô tả sản lượng;
 - + Quy trình công nghệ sản xuất.

2. Dữ liệu về tình hình sử dụng

Khối lượng nguyên, nhiên liệu, hóa chất và năng lượng sử dụng.

3. Dữ liệu giấy phép về môi trường

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường; Giấy chứng nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và các giấy phép khác theo quy định hiện hành.

4. Dữ liệu về quản lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải: Nguồn phát sinh nước thải; Năm bắt đầu hoạt động; Công suất thiết kế; Công suất xử lý hiện tại; Nguồn tiếp nhận nước thải; Công nghệ xử lý nước thải.

- Lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước thải sản xuất; Lưu lượng nước thải sinh hoạt; Lưu lượng nước được xử lý; Lưu lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng; Lưu lượng nước làm mát.

- Chất lượng nước thải: Địa điểm lấy mẫu (kèm tọa độ); Thời gian lấy mẫu; Hệ số Kf, Kq; Quy chuẩn áp dụng; Nồng độ thông số ô nhiễm trong nước thải trước (nếu có) và sau xử lý.

5. Dữ liệu về quản lý khí thải

- Hệ thống xử lý khí thải: Nguồn phát sinh khí thải; Công nghệ xử lý khí thải.

- Lưu lượng khí thải.

- Chất lượng khí thải: Địa điểm lấy mẫu (kèm tọa độ); Thời gian lấy mẫu; Hệ số Kv, Kp; Quy chuẩn áp dụng; Nồng độ thông số ô nhiễm trong khí thải trước (nếu có) và sau xử lý.

6. Dữ liệu về quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn thông thường: Tình trạng phân loại; Loại chất thải; Hình thức thu gom, xử lý; Số lượng chất thải rắn thông thường.

- Chất thải nguy hại: Tên chất thải nguy hại; Mã chất thải nguy hại; Số lượng chất thải nguy hại; Hình thức xử lý; Tình trạng phân loại chất thải nguy hại; Tình trạng kho lưu trữ; Hình ảnh kho chất thải nguy hại.

BỘ CÔNG THƯƠNG

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2026

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về PL);
- Báo Công Thương (đăng Website BCT);
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC.



Trương Thanh Hoài

